Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh 25 (2009) 99-104

Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam

ThS. Nguyễn Thế Hùng*

Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 24 tháng 3 năm 2009

Tóm tắt. Bài viết phân tích về năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam. Các tiêu chí được sử dụng trong phân tích là năng suất và khả năng sinh lợi của các doanh nghiệp cơ khí. Dựa trên nguồn số liệu điều tra doanh nghiệp của Tổng cục thống kê, tác giả đã tính toán các chỉ tiêu và các hệ số cho các mã ngành cơ khí. Các số liệu tính toán được so sánh với các doanh nghiệp thuộc công nghiệp chế biến, ngành chế biến thực phẩm đồ uống và dệt may và với các doanh nghiệp cơ khí nước ngoài để thấy được thực trạng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam.

Ngành cơ khí được coi là một ngành then chốt trong sự nghiệp hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước. Để có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh khốc liệt hiện nay, một yêu cầu cấp bách là phải nâng cao được năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cơ khí.

Có nhiều phương pháp và các tiêu chí khác nhau về phân tích năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam, các tiêu chí thích hợp được chọn lựa trong phân tích là năng suất và khả năng sinh lợi. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm của M. Porter coi năng suất là thước đo về năng lực cạnh tranh có ý nghĩa nhất. Phương pháp này cũng đã được sử dụng trong một số công trình nghiên cứu về năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Các số liệu phân tích được dựa vào số liệu điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê. Theo đó, các doanh nghiệp thuộc ngành cơ khí gồm các doanh nghiệp phân theo mã nhóm ngành: Sản xuất các sản phẩm từ kim loại (D28); Sản xuất máy móc và thiết bị (D29); Sản xuất máy móc và thiết bị điện (D31); Sản xuất dụng cụ y tế, dụng cụ chính xác, dụng cụ quang học (D33); Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc (D34); Sản xuất các phương tiện vận tải khác (D35).

Các chỉ tiêu về năng suất và khả năng sinh lợi của các doanh nghiệp cơ khí được tính cho từng phân ngành nhỏ theo theo các mã được nêu ở trên, sau đó được xác định cho toàn ngành cơ khí và so sánh với các ngành khác như dệt may (D17, D18), sản xuất thực phẩm và đồ uống (D15) và của công nghiệp chế biến (D).

1. Về năng suất của các doanh nghiệp cơ khí

1.1. Năng suất lao động

Năng suất lao động là một trong những thước đo chính về năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cơ khí. Trong phần này, năng suất

* ĐT: 84-4-37547506 (302)
E-mail: hungnt@vnu.edu.vn

EVALUATION VERSION ePrint REGISTERED VERSION ADDS NO WATERMARK visit eprintdriver.com
Evaluation notes were added to the output document. To get rid of these notes, please order your copy of ePrint 5.0 now.

lao động được xác định bằng doanh thu chia cho số lao động.

Trong giai đoạn từ 2000 - 2006, năng suất lao động của các doanh nghiệp cơ khí được thể hiện trong các biểu đồ sau:

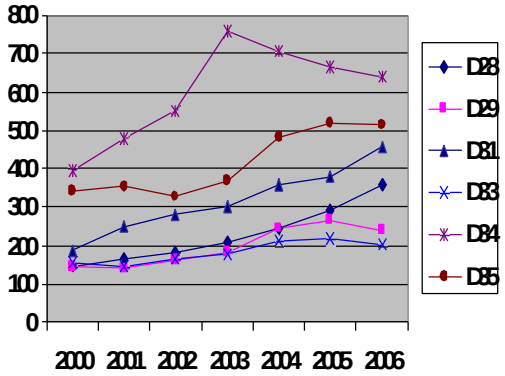

Biểu đồ 1. Năng suất lao động của các phân ngành cơ khí. (Đơn vị: Triệu VNĐ).

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Thống kê [1,2]

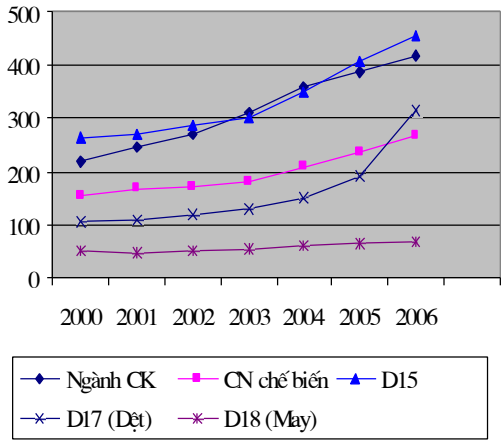

Biểu đồ 2. Năng suất lao động của ngành cơ khí so với các ngành khác (Đơn vị: Triệu VNĐ).

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Thống kê [1,2]

So sánh năng suất của các ngành ta nhận thấy năng suất lao động của các doanh nghiệp trong ngành sản xuất động cơ rơ mooc (D34) là cao nhất. Năng suất liên tục tăng trong giai đoạn từ 2000- 2006 và đạt 640 triệu đồng vào năm 2006. Năng suất của các doanh nghiệp sản xuất các phương tiện vận tải khác (D35) đứng thứ hai và các doanh nghiệp sản xuất dụng cụ y tế, dụng cụ chính xác, dụng cụ quang học (D33) có năng suất thấp nhất, từ năm 2001 chỉ bằng khoảng 1/3 so với các doanh nghiệp D34 (theo biểu đồ 1).

Năng suất lao động của các doanh nghiệp cơ khí nói chung vẫn cao hơn so với năng suất lao động trung bình của các doanh nghiệp thuộc công nghiệp chế biến (biểu đồ 2). Ngoài ra, cũng dễ dàng nhận thấy rằng năng suất lao động của doanh nghiệp cơ khí cao hơn hẳn so với doanh nghiệp dệt may và thấp hơn không đáng kể so với các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm đồ uống (năm 2005 và 2006). Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy là năng suất lao động của các doanh nghiệp cơ khí cao không có nghĩa là hiệu quả do ngành cơ khí có mức độ thâm dụng vốn cao hơn so với các ngành như dệt may. Nếu so sánh với các doanh nghiệp cơ khí EU trong giai đoạn từ 2000 đến 2003 thì năng suất lao động của các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam thấp hơn từ 10 đến 15 lần (ước tính của tác giả).

Về tốc độ tăng trưởng năng suất trung bình từ 2000 đến 2006:

Tốc độ tăng trưởng năng suất trung bình của các doanh nghiệp cơ khí trong giai đoạn này là 11,6%, cao hơn so với các doanh nghiệp thuộc công nghiệp chế biến (9,6%). Các doanh nghiệp cơ khí từ năm 2005 đến 2006 có tốc độ tăng trưởng năng suất bị chững lại (khoảng 8%/năm) và thấp hơn so với giai đoạn 2000-2004 (từ 11 đến 16%/ năm). Trong các ngành cơ khí, doanh nghiệp thuộc mã ngành D28 có tốc độ tăng trưởng năng suất liên tục và lớn nhất (16,4%), còn các doanh nghiệp thuộc mã ngành D34 có năng suất cao nhất nhưng tốc độ tăng trưởng trung bình chỉ đạt 8,3% và năng suất lại giảm đi từ năm 2005.

1.2. Năng suất vốn

Năng suất vốn được xác định bằng tỷ lệ giữa lợi nhuận trước thuế chia cho t
định.

EVALUATION VERSION ePrint REGISTERED VERSION ADDS NO WATERMARK visit eprintdriver.com EVALUATION VERSION
Evaluation notes were added to the output document. To get rid of these notes, please order your copy of ePrint 5.0 now.

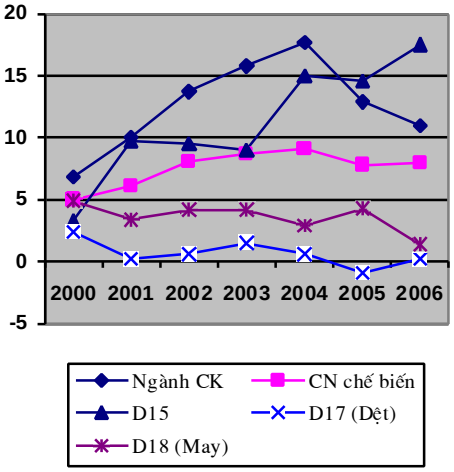

Biểu đồ 3. Năng suất vốn của ngành cơ khí so với các ngành khác (Đơn vị: %).

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Thống kê [1,2]

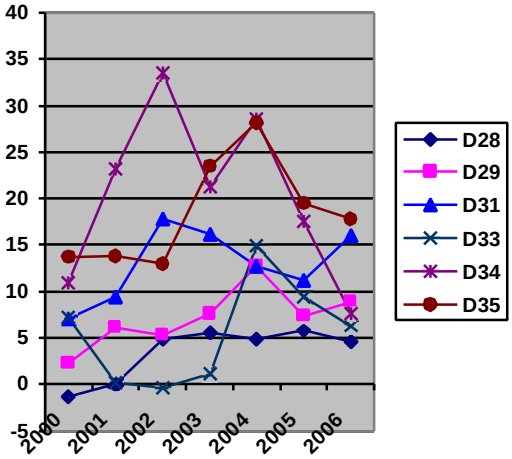

Biểu đồ 4. Năng suất vốn của các phân ngành cơ khí (Đơn vị: %).

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Thống kê [1,2]

2. Khả năng sinh lợi

2.1. Hệ số lợi nhuận trên doanh thu (ROS)

Hệ số này được xác định bằng lợi nhuận trước thuế chia cho doanh thu thuần.

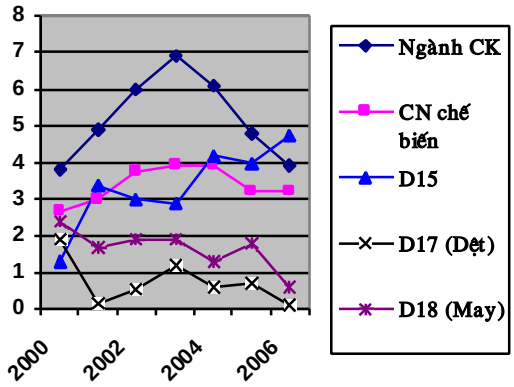

Biểu đồ 5. Hệ số ROS của ngành cơ khí so với các ngành khác (Đơn vị: %).

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Thống kê [1,2]

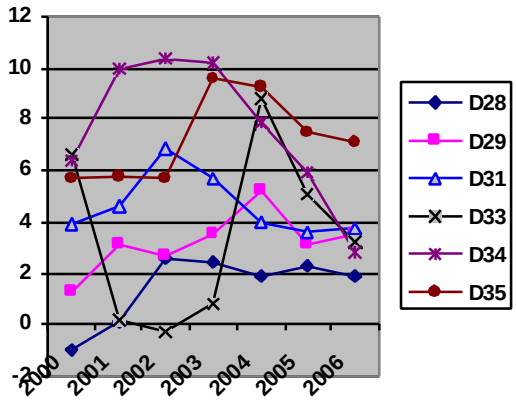

Biểu đồ 6. Hệ số ROS của các phân ngành cơ khí (Đơn vị: %).

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Thống kê [1,2]

Các doanh nghiệp cơ khí nói chung có khả năng sinh lợi trên doanh thu từ năm 2000 đến 2006 cao hơn hẳn so với các doanh nghiệp thuộc công nghiệp chế biến và các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm đồ uống và dệt may (biểu đồ 5). Hệ số lợi nhuận trên doanh thu của doanh nghiệp cơ khí tăng dần từ năm 2000, đạt cao nhất năm 2003 và giảm dần đạt giá trị tương đương năm 2000. Tuy có sụt giảm nhưng năm 2006, hệ số này vẫn lớn hơn nhiều so với các ngành dệt may và chỉ nhỏ hơn chút ít so với các doa
sản xuất thực phẩm đồ uống (3,9% so v

EVALUATION VERSION
ePrint
REGISTERED VERSION
ADDS NO WATERMARK
visit
eprintdriver.com
Evaluation notes were added to the output document. To get rid of these notes, please order your copy of ePrint 5.0 now.

Trong các doanh nghiệp cơ khí thì các doanh nghiệp sản xuất xe có động cơ, rơ moóc (D34) và sản xuất các phương tiện vận tải khác (D35) có khả năng sinh lợi trên doanh thu lớn hơn cả (biểu đồ 6). Mặc dù từ năm 2004, hầu hết các doanh nghiệp đều có hệ số ROS sụt giảm nhưng các doanh nghiệp ngành D35 vẫn duy trì được khả năng sinh lợi ổn định. Các doanh nghiệp sản xuất dụng dụng cụ y tế, chính xác, quang học (D33) có khả năng sinh lợi biến động thất thường nhất và các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ kim loại (D28) có khả năng sinh lợi thấp nhất.

2.2. Hệ số lợi nhuận trên tài sản ROA

Hệ số này được xác định bằng lợi nhuận trước thuế chia cho tổng tài sản.

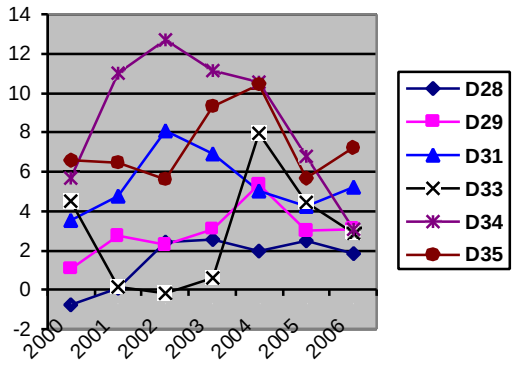

Biểu đồ 7. Hệ số ROA của các phân ngành cơ khí (Đơn vị: %).

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Thống kê [1,2]

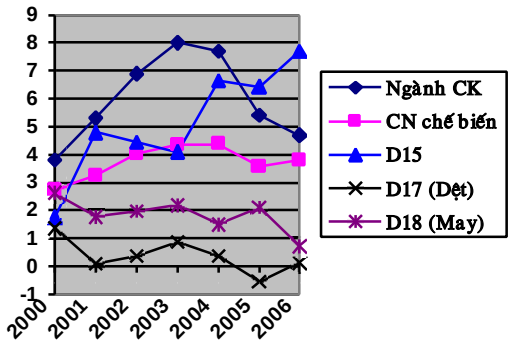

Biểu đồ 8. Hệ số ROA của ngành cơ khí so với các ngành khác (Đơn vị: %).

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Thống kê [1,2]

Hệ số ROA của các doanh nghiệp cơ khí tăng nhanh trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2004 (có giá trị từ 3,8% đến 8%) và lớn hơn hẳn so với các doanh nghiệp thuộc công nghiệp chế biến, các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm đồ uống và dệt may. Từ năm 2004 hệ số này giảm nhưng vẫn tiếp tục lớn hơn so với các doanh nghiệp D15, D17, D18 và công nghiệp chế biến. Riêng năm 2005 và 2006, các doanh nghiệp cơ khí có hệ số ROA nhỏ hơn so với các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm, đồ uống (biểu đồ 8).

Trong các doanh nghiệp cơ khí, ngành D34 và D35 có hệ số ROA lớn nhất. Ngành D33 có hệ số ROA biến động thất thường, còn ngành sản xuất các sản phẩm từ kim loại có hệ số ROA thấp nhất (biểu đồ 7).

2.3. Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ROE

Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu được xác định bằng lợi nhuận trước thuế chia cho vốn chủ sở hữu

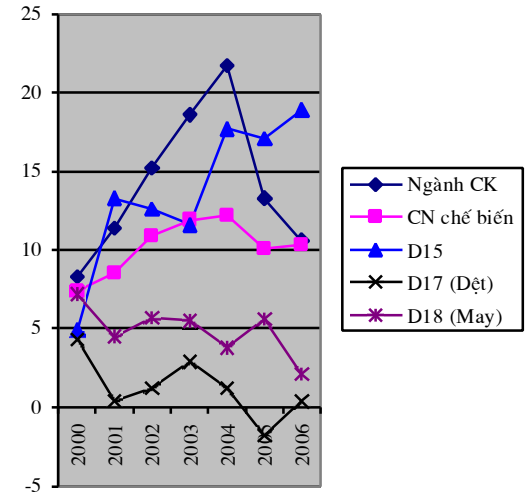

Biểu đồ 9. Hệ số ROE của ngành cơ khí so với các ngành khác (Đơn vị: %).

Nguồn: Tính toán của tác giả theo s
Tổng cục Thống kê [1,2]

EVALUATION VERSION
ePrint
REGISTERED VERSION
ADDS NO WATERMARK
visit
eprintdriver.com
Evaluation notes were added to the output document. To get rid of these notes, please order your copy of ePrint 5.0 now.

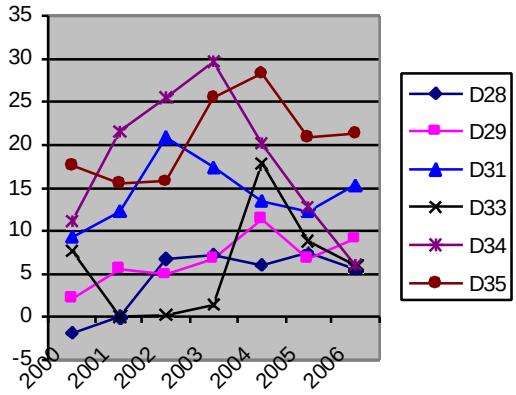

Biểu đồ 10. Hệ số ROE của các phân ngành cơ khí (Đơn vị: %).

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Thống kê [1,2]

Các doanh nghiệp cơ khí có khả năng sinh lợi trên vốn chủ sở hữu tăng qua các năm (đến năm 2004) và cao hơn hẳn so với các doanh nghiệp thuộc công nghiệp chế biến và ngành dệt may (biểu đồ 9). Từ năm 2005 hệ số ROE của các doanh nghiệp cơ khí giảm đi, tuy nhiên chỉ thấp hơn so với các doanh nghiệp ngành sản xuất thực phẩm đồ uống (D15). Kết quả này cũng tương tự như sự biến động của hệ số ROA trong phần trên.

Trong ngành cơ khí, các doanh nghiệp thuộc ngành D35 (sản xuất các phương tiện vận tải khác) duy trì hệ số ROE khá cao và tương đối ổn định. Ngành D34 có ROE tăng nhanh và cao nhất đến năm 2003. Tuy nhiên sau đó hệ số này lại giảm mạnh, một phần do lợi nhuận giảm sút. Tương tự như hệ số ROA, ngành D33 có hệ số ROE biến động nhiều, không ổn định và ngành sản xuất các sản phẩm từ kim loại (D28) có hệ số ROE thấp nhất (biểu đồ 10).

3. Kết luận

- Trong giai đoạn 2000-2006, các doanh nghiệp cơ khí Việt nam có năng suất lao động cao hơn so với các doanh nghiệp thuộc công nghiệp chế biến, các doanh nghiệp dệt may (là các doanh nghiệp được coi là có năng lực cạnh tranh cao). Tốc độ tăng trưởng trung bình năng suất của các doanh nghiệp cơ khí đạt 11,6% cao hơn so với công nghiệp chế biến và chế biến thực phẩm, nhưng thấp hơn so với các doanh nghiệp dệt may. Tuy nhiên, năng suất lao động của các doanh nghiệp cơ khí ở Việt Nam còn thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu này ở các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Các doanh nghiệp cơ khí về cơ bản có khả năng sinh lợi cao hơn so với công nghiệp chế biến, các doanh nghiệp dệt may và chỉ nhỏ hơn so với các doanh nghiệp D15 trong hai năm 2005, 2006.

Để năng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cơ khí nhằm đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế cần phải tăng năng suất và giữ được tốc độ tăng trưởng năng suất bền vững. Tăng năng suất sẽ giúp cho kết quả hoạt động của các doanh nghiệp cơ khí (khả năng sinh lợi) được cải thiện. Tuy nhiên cần có các giải pháp đồng bộ liên quan đến doanh nghiệp, ngành và từ phía nhà nước để nâng cao được năng lực cạnh tranh. Các giải pháp này liên quan đến các nhân tố tác động đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cơ khí như: trình độ nguồn nhân lực, tạo vốn và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đầu tư đổi mới công nghệ và thiết bị, đầu tư cho nghiên cứu phát triển, hợp tác và liên kết và các chính sách của chính phủ nhằm cải thiện môi trường kinh doanh. Các yếu tố tác động này sẽ được phân tích trong một bài riêng kết hợp với kết quả phân tích về năng suất và khả năng sinh lợi của các doanh nghiệp cơ khí.

Tài liệu tham khảo

[1] Tổng cục Thống kê, *Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra năm 2001, 2002, 2003*, NXB Thống kê, 2004.
[2] Tổng cục Thống kê, *Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra năm 2004, 2005, 2006*, NXB Thống kê, 2007.
[3] Bộ Công nghiệp, Tài liệu hội thảo: *Cơ khí phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hoá đất nước*, Hà Nội, 2005.
[4] Hội khoa học kỹ thuật cơ khí Việt Nam, *tổng quát hiện trạng cơ khí Việt Nam*, H

EVALUATION VERSION
ePrint
REGISTERED VERSION
ADDS NO WATERMARK
visit
eprintdriver.com
Evaluation notes were added to the output document. To get rid of these notes, please order your copy of ePrint 5.0 now.

pháp phát triển ngành cơ khí trong giai đoạn 2000-2010, Hà Nội.
[5] Michael Porter, *Lợi thế cạnh tranh quốc gia*, NXB Trẻ, 2008.
[6] Nguyễn Hữu Thắng, *Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, 2008.
[7] Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, "*Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*", Dự án VIE 01/025, NXB giao thông vận tải, 2003.
[8] D.G. McFetridge, Competitiveness: Concepts and measures, *Occasional Paper* No.5, Industry Canada, 1995.
[9] B. Nega, K. Moges, "*Declining Productivity and Competitiveness in the Ethiopian Leather Sector*", Ethiopian Economic Policy research Institute, 2002.
[10] Nimmo-Bell & company LTD, *Economic evaluation of the food proccessing sector: A strategic Review for NewZealand Trade and Enterprise*, 2003.

Competitive capabilities of Vietnamese mechanical enterprises

MA. Nguyen The Hung

Faculty of Finance - Banking, College of Economics,
Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

The paper analyses the competitive capabilities of Vietnamese Mechanical Enterprises. Productivity and profitability of the mechanical enterprises are the criteria for analysing. Based on enterprise survey data by the Vietnamese General Statistical Office, the author calculates target and coefficient (ratios) for the mechanical sector. They are then compared with the ones of other enterprises in food processing and beverage, textile and garment sectors, as well as of the foreign mechanical enterprises. This comparison allows to access and evaluate the real picture of the competitive capabilities of Vietnamese mechanical enterprises.

EVALUATION VERSION ePrint REGISTERED VERSION ADDS NO WATERMARK visit eprintdriver.com EVALUATION VERSION

Evaluation notes were added to the output document. To get rid of these notes, please order your copy of ePrint 5.0 now.